

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 293/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 7 năm 2024

Về Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Hăng, bà Dương Thị Thúy Duy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị T Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2024/QĐXXST-HN, ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 402/2024/QĐST-HN, ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Thị Đ, sinh năm 1990; cư trú: Tổ X, ấp B, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Võ Văn B, sinh năm 1986; cư trú: Tổ Y, ấp B, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Thị Đ và ông Võ Văn B do tự tìm hiểu yêu thương được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2008. Đến năm 2017 thì bà Đ và ông B đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 19/01/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài nên hai người đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên bà Đ xin được ly hôn với ông B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Đ và ông B có 03 con chung tên Võ Văn H, sinh ngày 10/5/2009; Võ Văn T, sinh ngày 14/6/2011 và Võ Thị Kiều O, sinh ngày 20/4/2021. Các con chung đang được bà Đ nuôi dạy. Bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng ba con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải nhưng ông B đều vắng mặt. Bà Đ có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nơi cư trú ông B; ghi nhận ý kiến con chưa thành niên.

Theo thông báo ngày 22/5/2024, Công an xã Khánh Bình cung cấp: Hiện ông Võ Văn B vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp Búng Nhỏ, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 03/4/2024, cháu Võ Văn H và cháu Võ Văn T có nguyện vọng sống cùng bà Đ sau khi bà Đ và ông B ly hôn.

Kết quả xác minh ngày 26/6/2024 được biết, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Đ với ông B là do ông B hay ăn nhậu, thường xuyên vô cớ đánh bà Đ. Bà Đ, ông B đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của bà Đ, ông B có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ, giao con chung cho bà Đ được tiếp tục nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Thị Đ khởi kiện xin ly hôn với ông Võ Văn B và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “*ly hôn, nuôi con chung*”. Bị đơn ông Võ Văn B cư trú ấp Búng Nhỏ, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Bà Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt không có lý do. Như vậy các đương sự đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, nên tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và xét xử vắng mặt bà Đ, ông B là phù hợp quy định tại các Điều 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà Đ và kết quả xác minh xác định được, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà Đ và ông B là do bất đồng quan điểm sống,; ông B thường có hành vi bạo lực, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà Đ và ông B đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai người không có thiện chí hàn gắn. Khi biết bà Đ xin ly hôn thì ông B cũng không có ý kiến gì. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà Đ và ông B đã đến mức trầm trọng, không thể duy trì quan hệ hôn nhân, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ là phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Đ và ông B có 03 con chung tên Võ Văn H, sinh ngày 10/5/2009; Võ Văn T, sinh ngày 14/6/2011 và Võ Thị Kiều O, sinh ngày 20/4/2021. Xét thấy, cháu H và cháu T có nguyện vọng sống cùng bà Đ, cháu O hiện còn nhỏ và đang được bà Đ nuôi dạy tốt. Để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý đối với con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nên giao cả ba con chung cho bà Đ được trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn là phù hợp quy định Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện bà Đ về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Đ xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông B có căn cứ xác định có tài sản chung thì có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định, ông B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Bà Thị Đ được ly hôn với ông Võ Văn B.

2. Về con chung: Bà Thị Đ được trực tiếp nuôi dạy 03 (ba) con chung tên Võ Văn H, sinh ngày 10/5/2009; Võ Văn T, sinh ngày 14/6/2011 và Võ Thị Kiều O, sinh ngày 20/4/2021.

Ông Võ Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Văn B và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà Thị Đ. Ngược lại, bà Đ và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông B.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số 0009312 ngày 12/3/2024. (Bà Đ đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của bà Thị Đ và ông Võ Văn B là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Khánh Bình (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu